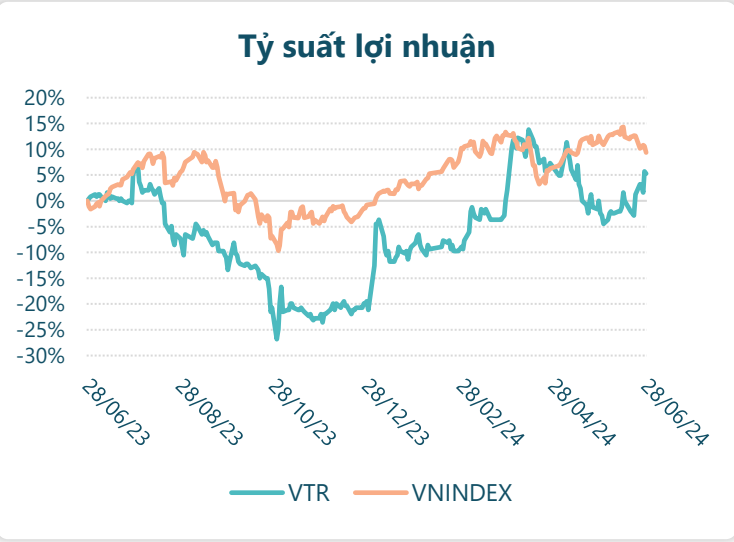


Ngày	25,900 VNĐ		
28/06/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	9.3%	3.2%	32.8%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	18,000 - 28,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	742
Số lượng CPLH (CP)	28,658,247
KLGD BQ 20 phiên (CP)	70,960
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.85
EPS	2,720
P/E	9.5



Doanh thu thuần

Q2/24

2,061

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 864 | 72.2%

YoY: ▲ 377 | 22.4%

Nợ/VCSH

Q2/24

510%

YoY: +/- ▲ 32.5%

LN gộp

Q2/24

111

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 19.0 | 20.7%

YoY: ▲ 6.00 | 5.8%

ROE (TTM)

Q2/24

18.7%

YoY: +/- ▼ 1.6%

LN trước thuế

Q2/24

8.27

tỷ VNĐ

QoQ: ▼7.73 | -48.3%

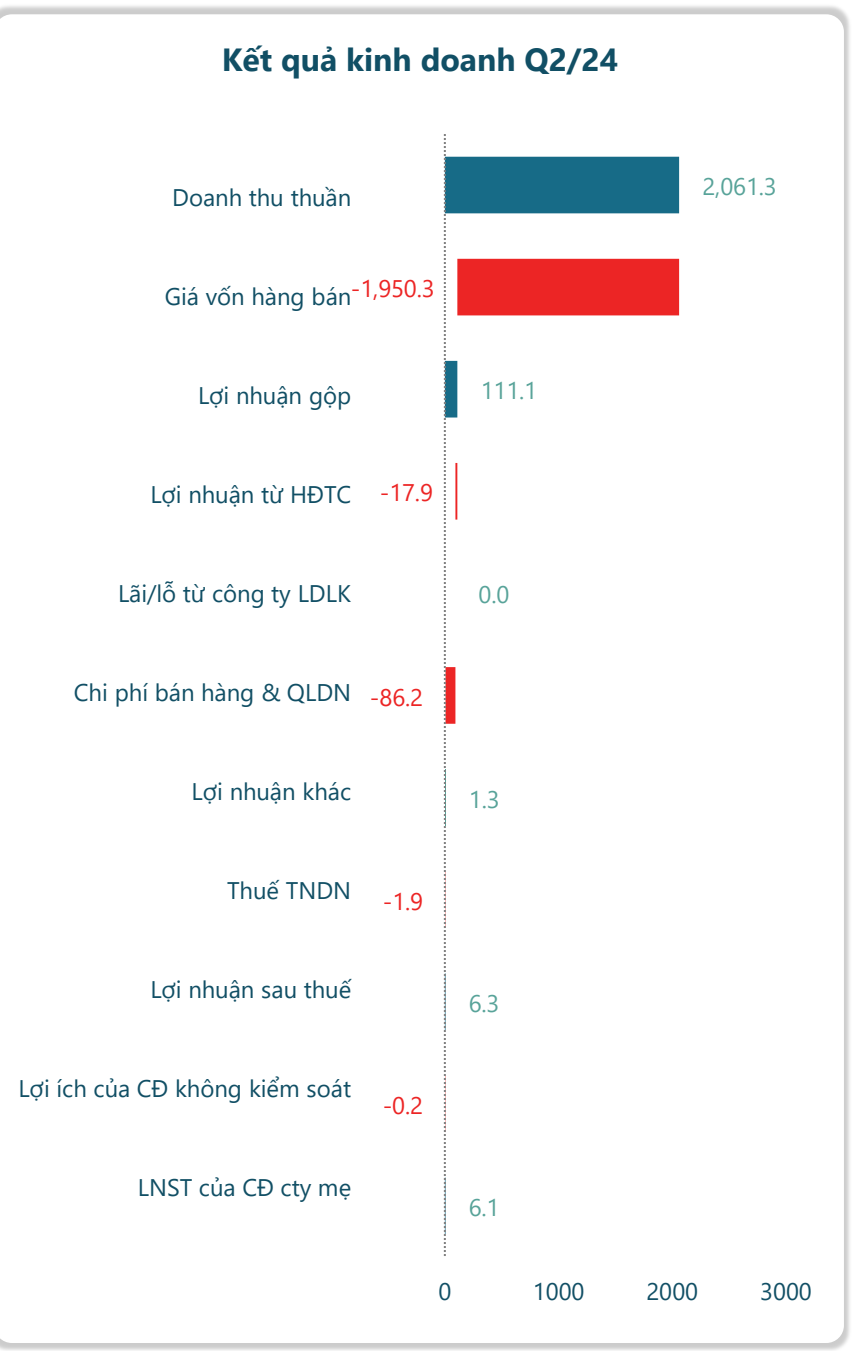
YoY: ▼3.23 | -28.1%

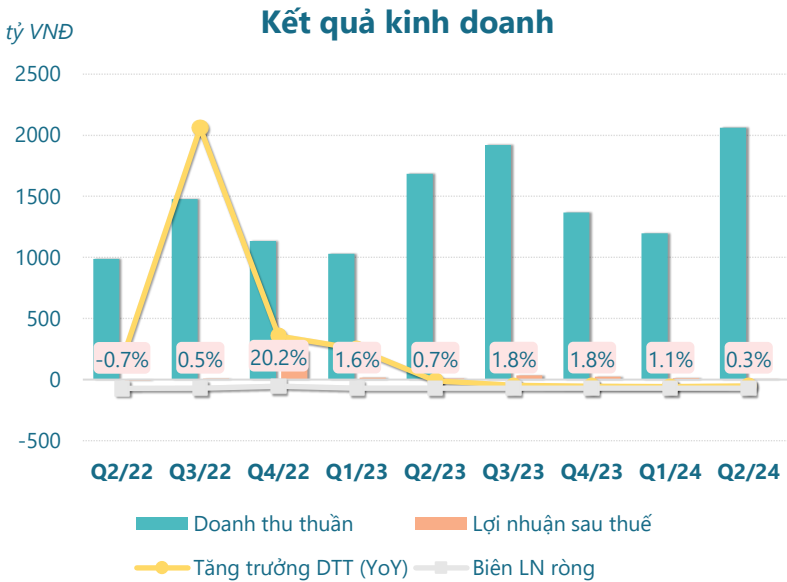
ROA (TTM)

Q2/24

3.2%

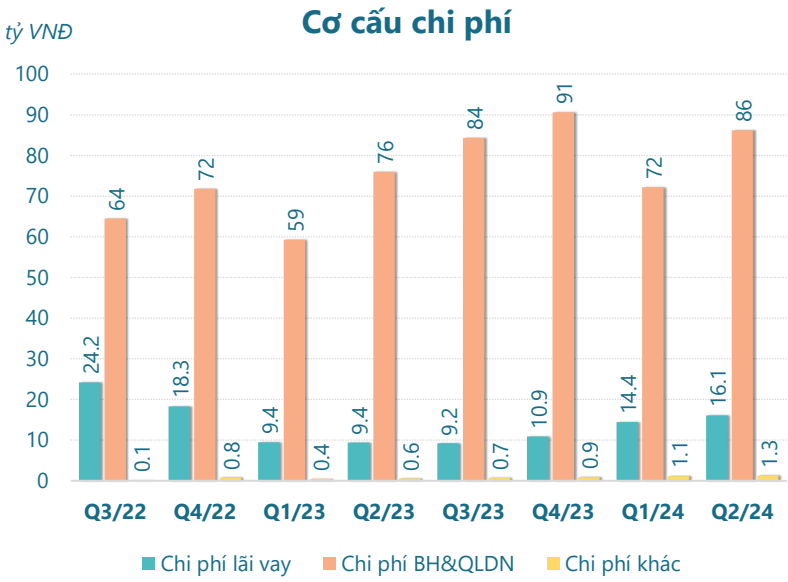
YoY: +/- ▼ 0.5%





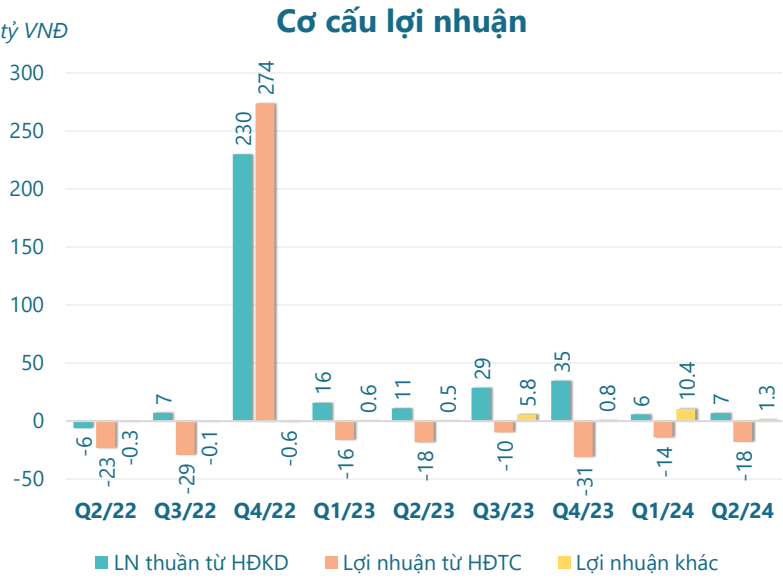
Tại quý II năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **lãi 6.94 tỷ đồng**, tăng thêm 23.3% so với kỳ trước và thấp hơn 36.9% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lỗ 17.92 tỷ đồng** giảm đi 3.70 tỷ đồng so với kỳ trước và tăng thêm 0.23 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **lãi 1.33 tỷ đồng**, giảm đi 87.2% so với kỳ trước và cao hơn 161% so với cùng kỳ năm trước.



Kết quả kinh doanh của **VTR** quý II năm 2024, doanh thu thuần đạt **2,061 tỷ đồng** tăng thêm **22.4%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 6.34 tỷ đồng, giảm sút 44.9%** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **3,258 tỷ đồng** cao hơn 20.1% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 19.00 tỷ đồng** thấp hơn 32.1% so với cùng kỳ năm trước.



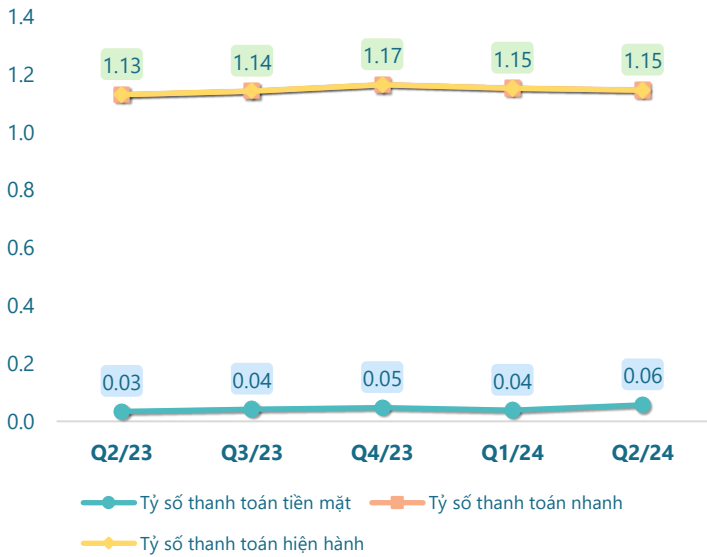
Tại quý II, chi phí lãi vay bằng **16.09 tỷ đồng** tăng thêm 11.3% so với kỳ trước và cao hơn 70.6% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **86.21 tỷ đồng** tăng thêm 19.4% so với kỳ trước và cao hơn 13.4% so với cùng kỳ năm trước.

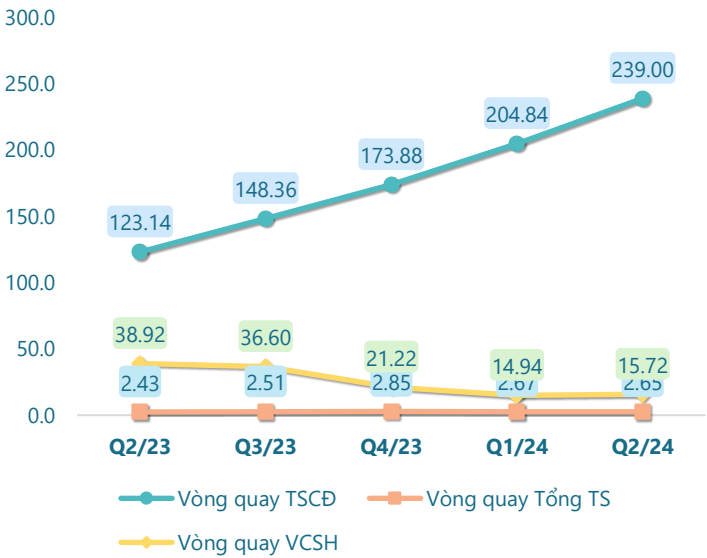
Chi phí khác bằng **1.30 tỷ đồng** tăng thêm 16.1% so với kỳ trước và cao hơn 132% so với cùng kỳ năm trước.

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q1/24	Thay đổi QoQ	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	2,061	1,197	72.2%	1,684	22.4%	3,258	2,713	20.1%
Giá vốn hàng bán	1,950	1,105	76.5%	1,579	23.5%	3,055	2,516	21.4%
Lợi nhuận gộp	111	92.0	20.7%	105	5.8%	203	197	3.3%
Doanh thu HĐTC	2.12	1.34	58.5%	5.84	-63.6%	3.46	8.07	-57.1%
Chi phí TC	20.0	15.6	28.5%	24.0	-16.5%	35.6	42.6	-16.3%
Chi phí lãi vay	16.1	14.4	11.8%	9.43	70.7%	30.5	18.9	61.8%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	13.4	8.16	64.0%	11.8	13.4%	21.5	17.1	25.8%
Chi phí QLDN	72.8	64.0	13.8%	64.2	13.4%	137	118	15.8%
LN thuần từ HĐKD	6.94	5.63	23.2%	11.0	-36.9%	12.6	26.8	-53.1%
Lợi nhuận khác	1.33	10.4	-87.2%	0.51	161%	11.7	1.14	927%
LN trước thuế	8.27	16.0	-48.3%	11.5	-28.1%	24.3	27.9	-13.1%
Lợi nhuận sau thuế	6.34	12.6	-49.6%	11.5	-44.8%	19.0	27.9	-32.0%
LNST của CĐ cty mẹ	6.15	13.1	-53.1%	12.1	-49.2%	19.3	28.3	-32.0%

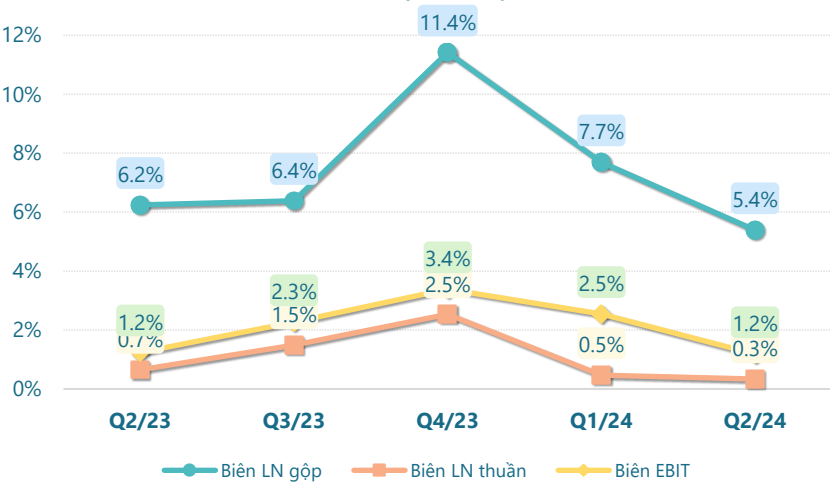
Chỉ số thanh khoản



Vòng quay tài sản



Biên lợi nhuận



Tỷ suất sinh lợi

